TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TP** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **39**/2020/HSST
Ngày: 21-5-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TP, TỈNH ĐỒNG NAI

- Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hà Văn Phi.**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Nguyễn Trọng Lâm;**
2. Ông **Phạm Công Gia**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tuyết Minh** - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Viết Bằng** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 19/2020/TLST-HS ngày 05 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2020/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 3 năm 2020; Thông báo mở lại phiên tòa xét xử số 248/TB – TA ngày 05 tháng 5 năm 2020 đối với bị cáo:

Phạm Lê Đ, sinh năm 1997 tại Đồng Nai.

Nơi cư trú: Khu 7, thị trấn TP, huyện TP, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Duy B, sinh năm 1961 và bà Lê Thị P, sinh năm 1970; anh chị em ruột có 02 người, bị cáo là thứ nhất; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại (có mặt).

- *Bị hại:* Anh Nguyễn Tấn Đ1, sinh năm 1998 (vắng mặt);
Nơi cư trú: Khu 3, thị trấn TP, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Nhật A, sinh năm 1990 (vắng mặt);
Nơi cư trú: Ấp NL 1, xã PX, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.
2. Anh Nguyễn Huy H, sinh năm 1993 (vắng mặt);
Nơi cư trú: Khu 7, thị trấn TP, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

- *Người làm chứng:* Anh Võ Thành T, sinh năm 1999 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp 5, xã PL, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Lê Đ và Nguyễn Tấn Đ1 có mối quan hệ bạn bè ngoài xã hội.

Khoảng 10 giờ ngày 27/11/2019, Phạm Lê Đ đến cửa hàng điện thoại Đạt Đoan do Nguyễn Tấn Đ1 là chủ cửa hàng thuộc khu 2, thị trấn TP, huyện TP, tỉnh Đồng Nai. Thời điểm này, trong cửa hàng có anh Đ1 và anh Võ Thành T (em họ Đ1) lợi dụng lúc anh Đ1 đi ra ngoài có công việc riêng còn anh T đang ngồi chơi điện thoại, Đ quan sát thấy tủ trưng bày điện thoại không khóa nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản. Thực hiện ý định, Đ đi đến tủ trưng bày và mở tủ lấy 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S 16GB màu hồng rồi bỏ vào túi xách sau đó đi về nhà.

Khoảng 15 giờ cùng ngày, Đ mang chiếc điện thoại trộm cắp được đến cửa hàng điện thoại của anh L thuộc xã Phú Thanh, huyện Tân Phú đến bán cho anh Nguyễn Nhật A với số tiền 2.000.000đ.

Ngoài ra, trong quá trình điều tra Đ còn khai nhận: Vào ngày 17/11/2019, Đ được anh Nguyễn Huy H đưa một máy Ipad Air 2 bị bể màn hình để cho Đ sửa chữa, Đ không sửa chữa mà lại đem cầm cố máy Ipad Air 2 tại cửa hàng điện thoại Đạt Đoan sau đó bán lại cho anh Đ1 với số tiền 1.500.000đ để tiêu xài cá nhân.

Vật chứng thu giữ: 01 máy Ipad Air 2 Wifi 16GB màu vàng đồng.

Trị giá tài sản thiệt hại: Tại Kết luận định giá tài sản số 73/KL.HĐĐGTS ngày 26/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện TP xác định:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S 16GB màu hồng đã qua sử dụng có giá trị 3.200.000đ;
- 01 Ipad Air 2 Wifi 16GB màu vàng đồng, bị hư mặt kính, đã qua sử dụng có giá trị 500.000đ.

Cáo trạng số 25/CT-VKSTP-ĐN ngày 05/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TP, tỉnh Đồng Nai truy tố bị cáo Phạm Lê Đ về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo. Trên cơ sở phân tích dấu hiệu phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố:

Về tội danh: Bị cáo Phạm Lê Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Về mức hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự xử phạt:

Bị cáo Phạm Lê Đ 08 (tám) tháng đến 10 (mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Đối với hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của Phạm Lê Đ, do tài sản chiếm đoạt chưa dủ định lượng để xử lý hình sự và Đ chưa có tiền án, tiền sự về hành vi chiếm đoạt nên không đủ yếu tố cấu thành tội lạm dụng tiến nhiệm chiếm đoạt tài sản. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện TP đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Đối với Nguyễn Nhật A khi mua 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S 16GB màu hồng từ Phạm Lê Đ thì không biết đây là tài sản do Đ phạm tội mà có nên không xử lý trách nhiệm hình sự.

Đối với vật chứng của vụ án là 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S 16GB màu hồng: Trong quá trình điều tra xác định anh Nguyễn Nhật A đã bán lại cho một người đàn ông (không xác định được nhân thân, lai lịch) với số tiền 2.200.000đ. Hiện vật chứng chưa thu hồi được, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Phú đã ra Thông báo số 167/TB - ĐTTH ngày 20/01/2020 truy tìm vật chứng, người liên quan.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Tấn Đ1 đã nhận số tiền bồi thường là 8.500.000đ, anh Nguyễn Huy H đã nhận lại tài sản. Anh Đ1, anh H không yêu cầu bồi thường gì thêm và có đơn bãi nại cho bị cáo Đ.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố.

Bị cáo không tranh luận cũng không bào chữa cho hành vi của mình. Bị cáo ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Nội dung lời khai của những người tham gia tố tụng trong hồ sơ vụ án:

- Lời khai của bị hại Nguyễn Tấn Đ1: Vào khoảng 10 giờ sáng ngày 27/11/2019 Đ đến cửa tiệm điện thoại di động Đạt Đoan do Đạt làm chủ tại khu 2, thị trấn TP, huyện TP. Sau khi hai bên nói chuyện được khoảng 15 phút thì Đ1 có công việc nên đi ra ngoài, lúc này chỏ còn Tâ (em họ Đ1) đang nằm trong tiệm chơi điện thoại. Được một lúc thì Đ ra về. Sau khi Đ1 về lại tiệm thì có mở tủ kính ra kiểm tra thì phát hiện mất 01 điện thoại Iphone 6S màu hồng, 16GB. Đ1 hỏi T có lấy không thì T nói không lấy và nói từ lúc Đ1 ra khỏi tiệm đến giờ chỉ có Đ đến và đã đi về. Do đó, Đ1nghi ngờ Đ lấy điện thoại nên khoảng 17 giờ ngày 28/11/2019, Đạt nhắn tin hỏi Đ có lấy không thì Đ nói không lấy. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, Đ sang tiệm Đạt chơi thì Đ đã nhận là lấy trộm tài sản nêu trên.

Ngoài ra, vào ngày 18/11/2019, Đ có mang tới cho Đ1 01 máy tính bảng hiệu Ipad Air 2, màu vàng đồng, bị bể mặt kính và chai pin để sửa cho một người khách tên Hoàng, lúc này Đ1 báo giá sửa máy là 1.500.000đ.

Đến chiều cùng ngày, Đ nói với Đ1 là anh H muốn cầm máy tính bảng nêu trên nên Đ1 đồng ý cầm với giá 800.000đ. Đến trưa ngày 19/11/2019, Đ lại nói với Đ1 là anh H muốn bán máy tính bảng do cần tiền gấp nên Đ1 đồng ý mua với giá 1.500.000đ nên Đ1 đã đưa thêm cho Đ số tiền 700.000đ. Mấy ngày sau, anh H là chủ máy tính bảng đến tìm Đ1 để lấy máy Đ1 mới biết Đ đã tự ý bán máy của anh Hoàng mà không thông qua anh Hoàng.

Hiện nay, bị cáo Đ đã bồi thường thiệt hại cho Đ1 với tổng số tiền là 8.500.000đ và Đ1 không yêu cầu bồi thường gì thêm. Đ1 đã có đơn xin xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Huy H trong hồ sơ vụ án: H là chủ sở hữu máy tính bảng hiệu Ipad Air 2, màu vàng

đồng. Vào ngày 17/11/2019, Hcó biết Đ là người thường nhận sửa chữa các loại máy nên có hỏi Đ là máy tính bảng nêu trên do bị bể mặt hính và chai pin thì sửa hết bao nhiêu. Sau đó, Đ báo giá là 1.500.000đ thì H đồng ý.

Khoảng 16 giờ ngày 18/11/2019, Đ kêu H mang máy đến cửa hoàng điện thoại Đạt Đoan thì H mang tới và giao cho Đ rồi đi về.

Mấy ngày sau, không thấy thông tin gì nên H đến cửa hàng Đạt Đoan để xem máy tính bảng đã sửa xong chưa thì gặp Đ1 (chủ cửa hàng) và được Đ1 nói lại là Đ đã bán máy lại cho anh với giá 1.500.000đ. Sự việc Đ bán máy cho cho Đ1 thì H không hề hay biết và không có sự đồng ý của Hoàng.

Hiện nay, H đã nhận lại tài sản nêu trên và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

- Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Nhật A trong hồ sơ vụ án: Vào ngày 27/11/2019, Nhật A đang ở cửa hàng điện thoại thì Đ mang theo 01 điện thoại di Đ Iphone 6S, 16GB, màu hồng nói là muốn bán lại cho Nhật A thì Nhật Anh đồng ý mua với giá 2.000.000đ. Khi mua máy của Đ đem đến thì Đ không nói với Nhật A đây là tài sản do trộm cắp mà có. Nhật A có hỏi điện thoại này ở đâu nhưng Đ nói là máy Đ mua từ khách hàng giờ muốn bán lại (do Đ cũng sửa chữa điện thoại như Nhật A) nên Nhật A tin tưởng là như vậy. Sau đó, ngày 29/11/2019, Nhật A bán lại tài sản nêu trên cho một người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch) với giá 2.200.000đ.

- Lời khai của người làm chứng Võ Thành T trong hồ sơ vụ án: T là em họ Đ1. Vào khoảng 08 giờ sáng ngày 27/11/2019 T đến cửa tiệm điện thoại di động Đạt Đoan do Đ1 làm chủ tại khu 2, thị trấn TP, huyện TP để chơi. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày thì có anh Đ đến chơi, hai bên nói chuyện được khoảng 30 phút thì Đạt đi công việc ra ngoài, một lúc sau Đ cũng đi về. Sau khi Đ1về lại tiệm thì có mở tủ kính ra kiểm tra thì phát hiện mất 01 điện thoại Iphone 6S màu hồng, 16GB. Đ1 hỏi T có lấy không thì T nói không lấy và nói từ lúc Đ1 ra khỏi tiệm đến giờ chỉ có Đ đến chơi và đã đi về. Sau đó, T nghe Đạt nói lại là Đ đã thừa nhận lấy trộm điện thoại của Đ1. Tcam đoan lời khai của mình là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm về lời khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện TP, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện TP, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về trách nhiệm hình sự:

[2.1]. Xét về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, bị cáo không cung cấp thêm tài liệu nào khác và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai của những người khác và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định:

Vào khoảng 10 giờ 30 phút ngày 27/11/2019 tại cửa hàng điện thoại Đạt Đoan thuộc khu 2, thị trấn TP, huyện TP, tỉnh Đồng Nai. Phạm Lê Đ có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S 16GB màu hồng, đã qua sử dụng có giá trị 3.200.000đ của anh Nguyễn Tấn Đ1.

Hành vi của bị cáo đã đầy đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2]. Xét về tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội:

Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, hành vi do bị cáo thực hiện không chỉ trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây bức xúc, lo sợ, hoang mang, dao động, làm mất trật tự trị an và an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, để giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội, cần thiết phải xét xử và áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm mà bị cáo đã gây ra.

[2.3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện bồi thường thiệt hại; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo thuộc gia đình có công với cách mạng; bị hại có đơn xin giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo. Các tình tiết giảm nhẹ này được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ này để tuyên mức án phù hợp với bị cáo và nhằm nâng cao tính giáo dục pháp luật, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

- Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt.

[2.4] Xét thấy bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo là người có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo. Vì vậy, không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân nơi cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng răn đe, phòng ngừa chung và hoàn toàn phù hợp với các điều kiện áp dụng án treo được quy định tại Nghị quyết số 02/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao ngày 15 tháng 5 năm 2018.

[2.5]. Về xử lý vật chứng:

Đối với vật chứng của vụ án là 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S 16GB màu hồng: Trong quá trình điều tra xác định anh Nguyễn Nhật A đã bán

lại cho một người đàn ông (không xác định được nhân thân, lai lịch) với số tiền 2.200.000đ. Hiện vật chứng chưa thu hồi được, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Phú đã ra Thông báo số 167/TB - ĐTTH ngày 20/01/2020 truy tìm vật chứng, người liên quan là phù hợp.

[2.6]. Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Tấn Đ1 đã nhận số tiền bồi thường là 8.500.000đ, anh Nguyễn Huy H đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.7]. Đối với hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của Phạm Lê Đ: Do tài sản chiếm đoạt chưa đủ định lượng để xử lý hình sự và Đ chưa có tiền án, tiền sự về hành vi chiếm đoạt nên không đủ yếu tố cấu thành tội lạm dụng tiến nhiệm chiếm đoạt tài sản. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện TP đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp.

Đối với Nguyễn Nhật Akhi mua 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S 16GB màu hồng từ Phạm Lê Đ thì không biết đây là tài sản do Đ phạm tội mà có nên không xử lý trách nhiệm hình sự là phù hợp.

[2.8]. Về án phí: Bị cáo là người bị kết án nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự;

- Nghị quyết số 02/2018/NQ/HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán;

- Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Lê Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt:

- Bị cáo Phạm Lê Đ 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phạm Lê Đ cho Ủy ban nhân dân thị trấn TP, huyện TP, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 68 và khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về án phí: Buộc bị cáo Phạm Lê Đ phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án. Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

(Đã giải thích chế định án treo)

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện TP;
- Công an huyện TP;
- Chi cục THADS huyện TP;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Văn Phi